

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2019

"V/v không công nhận vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đới Văn Trinh và ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở tòa án thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1970.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1973.

Đều trú tại: Khu dân cư N, phường TD, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị M đều trình bày thống nhất nội dung sau: Anh chị tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 10-12-1989 âm lịch, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau tại khu dân cư N, phường TD, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mãi chơi, không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Tuy sống cùng một nhà nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lập cuộc sống riêng của mình. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Mùa, chị Mùa đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị M có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 16-01-1992 và Lê Thị Th, sinh ngày 24-6-1994. Hiện cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh nên anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T và chị M xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng sẽ tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh với trưởng khu dân cư N, phường T cung cấp: Anh T và chị M là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại khu dân cư N, phường T anh chị chung sống với nhau từ khoảng năm 1989 đến nay. Việc anh chị không đăng kết hôn địa phương không biết vì là việc gia đình nhưng gia đình 2 bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không biết, chính quyền địa phương cũng không hòa giải cho anh chị. Hiện anh T và chị M vẫn ở chung nhà tại Khu dân cư N, phường TD. Nay anh T xin ly hôn, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND phường Tân Dân và phòng tư pháp thành phố Chí Linh xác định không có tên anh T và chị M trong sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại UBND xã từ năm 1999 đến nay.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị M là vợ chồng.

Về quan hệ con chung, về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Văn T khởi kiện xin ly hôn đối với chị Đỗ Thị M có địa chỉ cư trú tại khu dân cư N, phường TD, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] .Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M chung sống với nhau tự nguyện đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Việc anh chị chung sống với nhau nhiều người biết. Như vậy xác định hôn nhân giữa hai anh chị là không hợp pháp, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi về chung sống với nhau anh chị đã có thời gian dài hoà thuận và có con chung, có tài sản chung. Từ năm 2015 anh chị mâu thuẫn trầm trọng và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh chị có yêu cầu ly hôn, Toà án căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung nhưng các con chung đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh anh chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T và chị M có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị M là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh T đã nộp số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0001288 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

- Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng